

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN GIANG THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16 /NQ-HĐND

Giang Thành, ngày 18 tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2020

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN GIANG THÀNH
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 237/TTr-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện về việc xin điều chỉnh kế hoạch đầu tư năm 2020; Báo cáo thẩm tra số 182/BC-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ban Kinh tế- Xã hội Hội đồng nhân dân huyện; Báo cáo thẩm tra số 178/BC-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2019 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân huyện và ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh Điều 1, Nghị quyết số 10/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân huyện về kế hoạch đầu tư công năm 2020, như sau:

1. Tổng vốn đầu tư được điều chỉnh là 87.880 triệu đồng, bố trí 64 công trình, cụ thể sau:

- Cân đối ngân sách địa phương: 19.679 triệu đồng, bố trí 21 công trình.
- Xổ số kiến thiết: 6.900 triệu đồng, bố trí 10 công trình.
- Nguồn vốn tiền sử dụng đất: 1.200 triệu đồng, bố trí 02 công trình.

- Công trình Chương trình MTQG: 27.211 triệu đồng, bố trí 20 công trình. Trong đó: Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững là 4.761 triệu đồng, bố trí 08 công trình; Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là 22.450 triệu đồng, bố trí 12 công trình,

- Nguồn vốn Nghị định 35/2015/NĐ-CP: 10.942 triệu đồng, bố trí 03 công trình
- Nguồn vốn thủy lợi phí năm 2020: 9.948 triệu đồng, bố trí 07 công trình.
- Nguồn vốn sự nghiệp môi trường: 12.000 triệu đồng, bố trí 01 công trình.

(Kèm theo danh mục chi tiết)

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, triển khai các ngành, các xã thực hiện Nghị quyết này. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn giám sát chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Giang Thành Khóa XI, Kỳ họp thứ chín thông qua ngày 18 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Tổ Đại biểu HĐND tỉnh (đơn vị huyện Giang Thành);
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND và các Ban HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMTQ Việt Nam huyện;
- ĐB. HĐND huyện khóa XI;
- Các cơ quan, ban ngành huyện;
- LĐVP, CVPT;
- HĐND, UBND các xã;
- Lưu: VT52b



CHỦ TỊCH

Tạ Minh Danh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số *AA/NQ-HDND* ngày *18* tháng *12* năm 2019 của HDND huyện Giang Thành)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Lũy kế bố trí vốn	Kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch 2020 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN						
											Tăng	Giảm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG					57.635	53.708	50.532	99.512	87.880	14.981	26.613	
I	CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					27.099	23.172	27.212	34.214	19.679	1.683	16.218	
A	NGÀNH, LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO NGHỀ					27.099	23.172	19.212	13.348	11.232	683	2.799	
a	Bố trí trả nợ					27.099	23.172	19.212	5.951	4.932	683	1.702	
1	XD mới 06 phòng và sửa chữa 6 phòng trường THCS Tân Khánh Hòa (Điểm Chính)	TKH	12 phòng	2017	1981 (18/10/16)	4.941	4.941	4.140	150	148		2	
2	Trường Mầm non Vĩnh Phú (Điểm Đồng Cơ)	VP	2 phòng	2019	1984 (22/10/18)	1.999	1.620	1.000	1.000	1.000			
3	Trường Mầm non Vĩnh Điều (Đ. HT2)	VĐ	2 phòng	2019	1970 (22/10/18)	1.798	180	1.500	300	300			
4	Trường TH&THCS Vĩnh Điều (Đ. HT2)	VĐ	6 phòng	2019	1986 (22/10/18)	5.199	3.870	2.338	2.861	1.161		1.700	
5	Trường Mầm non Tân Khánh Hoà (Đ. Khánh Hòa)	TKH	2 phòng	2019	1987 (22/10/18)	2.178	1.620	1.000	1.178	1.178			
6	Trường TH Phú Lợi (Đ. Tà Teng)	PL	2 phòng	2019	1966 (22/10/18)	1.663	1.620	1.500	120	120			
7	Trường TH&THCS Vĩnh Điều (Điểm Rộc Xây)	VĐ	2 phòng	2019	1983 (22/10/18)	1.692	1.692	1.350	342	342			
8	Trường TH Tân Khánh Hòa (điểm Tân Khánh)	TKH	2 phòng	2019	1273 (26/10/17)	1.499	1.499	1.350		143	143		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Lũy kế bố trí vốn	Kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch 2020 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN						
											Tăng	Giảm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
9	Trường TH&THCS Vĩnh Phú B (điểm T4)	VP	4 phòng	2019	1267 (24/10/17)	3.231	3.231	2.700		360	360		
10	Xây dựng 2 phòng và hàng rào trường mầm non Tân Khánh Hòa (Điểm Tân Khánh)	TKH	2p+225 m	2018	1268 (24/10/17)	2.899	2.899	2.334		180	180		
b	Các dự án khởi công mới năm 2020								7.397	6.300		1.097	
1	Trường TH&THCS Vĩnh Điều (Điểm Tà Êm)	VĐ	2 phòng	2020					2.000	2.000			
2	Trường tiểu học Vĩnh Phú (Điểm Chính)	VP		2020					5.397	4.300		1.097	
B	CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KT-XH TUYÊN BIÊN GIỚI VN-CPC								15.066	3.047		12.019	
a	Các dự án khởi công mới năm 2020								2.066	2.047		19	
1	Sửa chữa 12 phòng trường THCS Phú Mỹ (Điểm Trà Phô)	PM	12 phòng	2020					500	500			
2	Hàng rào trường TH Phú Lợi (Đ. HN2)	PL		2020					531	531			
3	Hàng rào trường TH Tân Khánh Hòa (Đ. Lò Bom)	TKH		2020					500	500			
4	Hàng rào trường MN Vĩnh Điều (Đ. HT2)	VĐ		2020					516	516			
5	Hàng rào trường TH&THCS Vĩnh Phú B (điểm T5)	VP		2020					19			19	
b	Các dự án khởi công mới năm 2019 (Công trình cấp bách)					19.791	19.791	19.000	13.000	1.000		12.000	
1	Mở rộng Đường HT2, huyện Giang Thành	TKH		2019-2020	1623 (17/8/18)	7.985	7.985	7.500	6.000	500		5.500	
2	Đường số 03, huyện Giang Thành	TKH		2019-2020	1624 (17/8/18)	11.806	11.806	11.500	7.000	500		6.500	

TT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Lũy kế bố trí vốn	Kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch 2020 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN						
	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	Tăng	Giảm	14
C	NGÀNH, LĨNH VỰC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC							5.400	2.800	1.400		1.400	
	Các dự án dự kiến khởi công mới năm 2019 (Công trình cấp bách)					6.793	6.793	5.400	2.800	1.400		1.400	
1	Đảng ủy - Khối vận xã Phú Mỹ	PM		2019-2020	1834 (12/9/18)	3.195	3.195	2.400	2.200	800		1.400	
2	Đảng ủy - Khối vận xã Tân Khánh Hòa	TKH		2019-2020	1831 (12/9/18)	3.598	3.598	3.000	600	600			
D	NGÀNH CÔNG CỘNG, LĨNH VỰC XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG							2.600	3.000	4.000	1.000		
	Các dự án khởi công năm 2019 (Công trình cấp bách)					6.994	6.994	2.600	3.000	4.000	1.000		
1	Đê bao và cống đập giữ nước thuộc khu bảo tồn sinh cảnh xã Phú Mỹ huyện Giang Thành	PM		2019-2020	1982 (22/10/18)	6.994	6.994	2.600	3.000	4.000	1.000		
II	XÓ SỐ KIẾN THIẾT					25.104	25.104	19.800	6.900	6.900			
a	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020					2.000	2.000		2.000	2.000			
1	Trung tâm văn hóa xã Vĩnh Phú	VP	414,86m ²	2020		2.000	2.000		2.000	2.000			
b	Công trình xã nông thôn mới					23.104	23.104	19.800	2.900	2.900			
1	Xử lý môi trường bãi rác xã Phú Mỹ	PM		2019-2020	2114f (31/10/18)	1.999	1.999	1.800	200	200			
2	03 cầu đường HT6 bờ Nam	PM		2019-2020	2113c (31/10/18)	2.943	2.943	2.700	300	300			
3	Tuyến DC Hà Giang	PM		2019-2020	2114b (31/10/18)	2.509	2.509	2.300	300	300			
4	Đường đê bao quốc phòng	TKH		2019-2020	2113a (31/10/18)	6.124	6.124	5.400	900	900			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Lũy kế bố trí vốn	Kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch 2020 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
5	02 cầu đường đê bao quốc phòng	TKH		2019- 2020	2113b (31/10/18)	5.099	5.099	3.800	800	800			
6	Đường kênh Đồng Hòa	PM		2019- 2020	2114a (31/10/18)	1.867	1.867	1.800	200	200			
7	Đường kênh Nông Trường bờ tây - Thuận An	PM		2019- 2020	1990 (23/10/19)	2.563	2.563	2.000	200	200			
c	Công trình trọng điểm								2.000	2.000			
	Các dự án chuẩn bị đầu tư								2.000	2.000			
1	Nâng cấp mở rộng đường HT2 (HN0-Nông Trường)	TKH							1.000	1.000			
2	Bờ Kê chống sạt lở (Đoạn TT hành chính – DC Đàm Chít)	TKH							1.000	1.000			
III	NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT									1.200	1.200		
1	Đường đầu nối tuyến DC Hà Giang-HN1 xã Phú Mỹ	PM								600	600		
2	Đường đầu nối tuyến DC Hà Giang-HN1 xã Phú Lợi	PL								600	600		
IV	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA					5.432	5.432	3.520	29.950	27.211	98	2.837	
A	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững								7.500	4.761	98	2.837	
1	Đường 750 (Nông Trường Tân Khánh Hòa)	VĐ	1,2km	2020					1.500	1.007		493	
2	Đường Tràm Ngang	PM	1,3km	2020					1.500	832		668	
3	SLMB và hàng rào trường THCS Tân Khánh Hòa	TKH	350m	2020					650			650	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Lũy kế bố trí vốn	Kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch 2020 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN						
					6	7	8	9	10	11	Tăng	Giảm	14
1	2	3	4	5									
4	Đường HT5 nối dài	TKH	250m	2020					450	548	98		
5	Đường và cống HN3	TKH	30m	2020					400	400			
6	Đường HT1	VP	1km	2020					1.000	948		52	
7	Hàng rào trường TH Vĩnh Phú	VP	300m	2020					500			500	
8	Đường kênh HN2 bờ tây nối tiếp	PL	2020	2020					1.500	1.026		474	
B	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới					5.432	5.432	3.520	22.450	22.450			
a	Ngành văn hóa								900	900			
1	Nhà văn hóa ấp Đồng Cừ	VĐ	88m2	2020					450	450			
2	Nhà văn hóa ấp Trần Thệ	PM	88m2	2020					450	450			
b	Ngành giao thông					5.432	5.432	3.520	21.550	21.550			
1	Cầu HT5 đoạn HN3	TKH	20m	2020					1.500	1.500			
2	Cầu HT5 đoạn HN5	TKH	20m	2020					1.493	1.493			
3	Đường kênh Nông Trường bờ tây (nối tiếp)	PM	1,8km	2020					1.748	1.748			
4	Đường T2 (giai đoạn 1)	VP	5km	2019	1033 (25/10/18)	5.432	5.432	3.520	1.900	1.900			
5	Đường T3 bờ tây (nối tiếp)	VP	2km	2020					2.408	2.408			
6	Đường tư Ngã tư đến kênh HN3	PL	2,5km	2020					3.073	3.073			



TT	Đanh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC- HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Lũy kế bố trí vốn	Kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch 2020 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
7	Đường HN1 bờ tây	PL	2,7km	2020					3.000	3.000			
8	Đường kênh HT1	VĐ	2,2km	2020					2.400	2.400			
9	Đường Rạch Nha Sáp	VĐ	400m	2020					500	500			
10	Đường NT3 (từ HT4 - kênh Giữa)	VĐ	4km	2020					3.528	3.528			
V	NGHỊ ĐỊNH 35/2015/NĐ-CP								18.500	10.942		7.558	
1	Đường kênh Thời Trang bờ đông (từ HT1-K3)	VP	3km	2020					3.600			3.600	
2	Đường K2 (từ T4-T5)	VP	5km	2020					6.500	6.500			
3	Đường T4 bờ tây (đoạn từ K3-T2)	VP	3km	2020					3.600	3.600			
4	Đường NT3 bờ tây (từ kênh Giữa - Kiên Lương)	VĐ	3km	2020					3.800			3.800	
5	Đường kênh Nông Trường (từ QL N1 - 750)	VĐ	0,7km	2020					1.000	842		158	
VI	CẤP BÙ MIỄN THỦY LỢI PHÍ								9.948	9.948			
1	Kênh lộ Quốc Phòng	PL	2,3km	2020					450	450			
2	Kênh đê bao Cỏ Khô	PL	2,4km	2020					450	450			
3	Kênh HT6	PM	8,3km	2020					1.200	1.200			
4	Kênh NT4 (Kênh Giữa - Kênh 13)	VĐ	4,1km	2020					500	500			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư ban đầu			Lũy kế bố trí vốn	Kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch 2020 (sau điều chỉnh)	Chênh lệch		Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT							
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSNN						
											Tăng	Giảm	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
5	Kênh Giữa Rộc Xây	VĐ	6,4km	2020					800	800			
6	Kênh Hà Giang	PL-TKH	12,1km	2020					6.000	6.000			
7	Duy tu sửa chữa đắp đập ngăn mặn			2020					548	548			
VII	VỐN SỰ NGHIỆP MÔI TRƯỜNG									12.000	12.000		
1	Trồng cây xanh tuyến đường HT2, đường số 3, đường Trà Phô - Tà Teng	GT								12.000	12.000		

PH. T. KIẾN GI